

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 3 - 2018

V/: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thị Đang

2. Ông Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 373/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2017 và Thông báo tiếp tục đưa vụ án ra xét xử ngày 26/01/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Phụng Như P, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn X, xã N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Đức H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn P2, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Phụng Như P trình bày: Bà P và ông Phạm Ngọc Đức H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào năm 2012. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2016, bà P và ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, hay xảy ra cãi vã, thỉnh thoảng giữa hai bên có sự xô xát với nhau. Từ cuối năm 2016 cho đến nay, giữa bà P và ông H không còn chung sống với nhau. Bà P xác định không còn tình cảm với ông H, hai bên không thể hàn gắn với nhau nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Bà P và ông H có một con chung là Phạm Trần Đức H (sinh ngày 22/12/2012). Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Ngọc Đức H trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn ông H cũng thống nhất như ý kiến của bà P đã nêu. Trong quá trình chung sống, ông H xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, ông H đã nhiều lần níu kéo, nói chuyện để hàn gắn tình cảm với bà P nhưng bà P không đồng ý, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau từ 05 đến 06 tháng, nay bà P yêu cầu ly hôn, ông H cũng đồng ý.

Về con chung: Ông H cũng yêu cầu được nuôi con chung cháu Phạm Trần Đức H và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn ông H; về con chung: xét bà P có chỗ ở, công việc ổn định và cháu H đang ở với bà P nên giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: bà P và ông H đều xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Ngọc Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Phụng Như P và ông Phạm Ngọc Đức H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D vào năm 2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông H vắng mặt nhưng theo lời khai của ông H ở hồ sơ vụ án thì ông H cũng thừa nhận trong thời gian chung sống, giữa ông và bà P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã. Ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm giữa ông và bà P nhưng bà P không chấp nhận, yêu cầu ly hôn nên ông H đồng ý thuận tình ly hôn với bà P. Xét cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông H có sự mâu thuẫn, mục đích hôn nhân khó có thể duy trì, hàn gắn lại do đó yêu cầu khởi kiện bà P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà P được ly hôn ông H.

[3] Về con chung: Bà P và ông H có một con chung là cháu Phạm Trần Đức H, sinh ngày 22/12/2012. Nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Tại Tòa, bà P tha thiết được trực tiếp nuôi con chung vì con chung còn nhỏ nên cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ trong vấn đề nuôi dưỡng, bà P xác định có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn ông H, hiện bà P đang là nhân viên tại Ngân hàng thương mại cổ phần V, giờ giấc công việc ổn định, còn ông

H làm nghề lái xe taxi, thời gian công việc không ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà P đảm bảo về thời gian, có công việc, thu nhập ổn định và cháu H hiện nay đang chung sống với bà P (có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã H và trường Mầm Non A phường H, thị xã H do bà P cung cấp tại phiên tòa). Do đó, xét nên giao cháu H cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết bà P và ông H có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Phụng Như P được ly hôn ông Phạm Ngọc Đức H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Đức H, sinh ngày 22/12/2012 cho bà Trần Phụng Như P trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông Phạm Ngọc Đức H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Ngọc Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, nếu xét thấy cần thiết bà Trần Phụng Như P và ông Phạm Ngọc Đức H có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Trần Phụng Như P phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018365 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; bà P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
 - VKSND huyện D;
 - Chi cục THA dân sự huyện D;
 - UBND xã D
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
 - Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ